

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc An

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hươn
2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1074/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1995.

HKTT: Tổ 2, ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Địa chỉ: 1958, Quách Thị T, ấp 3, xã P, huyện N, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị A, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân:

Chị và anh Nguyễn Đức T chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long An, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống đến khoảng tháng 01/2020 chị phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nhiều lần khuyên giải tha thứ nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng mâu thuẫn không thể khắc phục được. Anh T không có trách nhiệm với vợ con, từ khoảng tháng 9/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, anh T cũng không về thăm và phụ giúp chị nuôi con. Nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh T do vợ chồng đã hết tình cảm, cuộc sống chung không thể tiếp tục.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Phạm Đức Tr, sinh ngày 06/02/2020.

Chị yêu cầu nuôi cháu Tr, theo đơn xin ly hôn chị có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/ tháng nhưng nay chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung : Không có.

Về nợ chung : Không có.

Do chị bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt chị.

** Quá trình Tòa án tiến hành tố tụng anh Nguyễn Đức T không đến Tòa để làm việc và không có ý kiến phản hồi.*

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn, chứng minh nhân dân của chị A, đơn xin xác nhận hộ khẩu thường trú, giấy khai sinh con chung, Trích lục kết hôn, các bản tự khai của chị Anh, đơn đề nghị xác minh thu thập chứng cứ của chị A, đơn đề nghị hoãn phiên họp công khai chứng cứ va2a hòa giải của chị A; thủ tục xác minh tại địa phương, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị A.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A, anh T.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng đã sống ly thân không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn là có căn cứ pháp luật.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị A ly hôn anh T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Đức Tr, sinh ngày 06/02/2020, đề nghị chấp nhận yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của chị A, giao cháu Tr cho chị A nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai về việc tham gia phiên tòa đối với bị đơn anh Nguyễn Đức T nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A, anh T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Long An, huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2019 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên đương sự nhiều lần mục đích để ghi nhận ý kiến các bên nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến, điều đó thể hiện anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Chị A trình bày trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị phát hiện anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị A và anh T đã thực sự trầm trọng, vợ chồng sống ly thân không thể hàn gắn đoàn tụ cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị A được ly hôn với anh T là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phạm Đức Tr, sinh ngày 06/02/2020. Hiện cháu Tr dưới 36 tháng tuổi và đang sống với chị A nên giao cháu Tr cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng. Theo đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn chị A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng nhưng nay chị A không yêu cầu nữa nên không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Đức T, xử cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Phạm Đức Tr, sinh ngày 06/02/2020 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết.

Anh Th được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005195 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị A đã nộp xong án phí.

Chị Phạm Thị Ngọc A, anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
 - VKSND h. Long Thành (1);
 - Chi cục THADS h. Long Thành (1);
 - UBND xã Long An
- GCNKH số 10 ngày 14/02/2019 (1);
- Đương sự (2);
 - Lưu (3).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc An